

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-01-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 867/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 65 đường N, Tổ 9, Khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 65 đường N, Tổ 9, Khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, nguyên đơn bà Lê Thị Phương D trình bày:

Bà D và ông Nguyễn Văn E chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông E chỉ biết sống cho bản thân, tính cách gia trưởng. Thời gian đầu vì con nhỏ nên bà D cố gắng chịu đựng cũng mong muốn ông E thay đổi tính tình nhưng ông E vẫn tính nết nào tật ấy. Thường xuyên uống rượu chửi bới, thậm chí đập phá đồ đạc trong nhà. Nay bà D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn E.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông E có 02 con chung là Lê Ánh T, sinh ngày 22/11/1999 và Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/10/2004. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu T, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Lê Thị Phương D, giấy khai sinh cháu T, T (bản sao công chứng).

Tại bản tự khai ngày 24/12/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn E trình bày:

Ông E thống nhất với phần trình bày của bà D về thời gian chung sống nhưng giữa ông và bà D không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Lúc cãi vã ông có đập cửa nhưng mục đích là quan tâm dạy dỗ con cái, hiện tại ông vẫn muốn vợ chồng chung sống. Tuy nhiên, việc bà D cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông E đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông E có 02 con chung là Lê Ánh T, sinh ngày 22/11/1999 và Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/10/2004. Khi ly hôn, ông E đồng ý giao bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, ông E không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Lê Ánh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông E thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/12/2018, bà D và ông E có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Bà D và ông E chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà D có đơn xin ly hôn với ông E. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Ngày 24/12/2018, bà D và ông E có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Văn E chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà D xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể quay về đoàn tụ và yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn E xác định hiện vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp bà D cương quyết ly hôn ông E đồng ý. Do bà D và ông E chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Văn E không được pháp luật công nhận. Do đó yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông E là có cơ sở.

[2.2] *Về con chung:* Bà D và ông E có 02 con chung Lê Ánh T, sinh ngày 22/11/1999 và Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/10/2004, hiện các con chung đang sống cùng ông E và bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyễn Ngọc T. Ông E cũng thống nhất để bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo bản tự khai thể hiện cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Nguyễn Ngọc T cho bà D chăm sóc và nuôi dưỡng. Đối với con chung là Lê Ánh T đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Phương D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn E.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Phương D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 16, 53, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Phương D với bị đơn ông Nguyễn Văn E về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Phương D và ông Nguyễn Văn E là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/10/2004 cho Lê Thị Phương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Lê Ánh T, sinh ngày 22/11/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Lê Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0022909 ngày 09/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. T;
- CC THADS TP. T
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo